

Số: 230 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý III năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh Quảng Ngãi công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý III năm 2024, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến Quý III năm 2024 đạt 21.391 tỷ đồng, bằng 83,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 117,1% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 12.004 tỷ đồng, bằng 68,1% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 98,5% so với cùng kỳ năm 2023.

* Đánh giá một số khoản thu:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 6.313 tỷ đồng, bằng 74,1% dự toán năm, bằng 96,5% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 6.068 tỷ đồng, bằng 74% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 96,3% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 709 tỷ đồng, bằng 95,4% dự toán năm, bằng 110,7% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 2.892 tỷ đồng, đạt 75,8% dự toán năm, bằng 120,5% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 515 tỷ đồng, bằng 96,2% dự toán năm, bằng 123,4% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 375 tỷ đồng, bằng 83,3% dự toán năm, bằng 93% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Các khoản thu còn lại đạt 1.200 tỷ đồng, bằng 34% dự toán năm và bằng 67,57% so với cùng kỳ năm trước.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 9.358 tỷ đồng, bằng 120,3% so với dự toán năm và bằng 154% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng đầu năm đạt cao so với dự toán tỉnh giao, chủ yếu do giá dầu thô thế giới hiện nay đang ở mức cao so với giá dầu thô dự toán giao (*giá dầu thô bình quân 9 tháng đầu năm là 89,1 USD/thùng, trong khi giá giao dự toán là 70 USD/thùng*), số thu từ NMLD Dung Quất đạt 74% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 96,3% so cùng kỳ năm 2023. Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao như: Thu từ khu vực DNNN (đạt 74,1%), DN có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 95,4%); Thuế thu nhập cá nhân (đạt 96,2%); Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (đạt 90,9%). Tuy nhiên, vẫn có những khoản thu đạt khá thấp như thu tiền sử dụng đất (đạt 11,7%) do các dự án tỉnh triển khai theo kế hoạch chủ yếu thực hiện trong Quý IV/2024.

c) Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 10.906 tỷ đồng, bằng 67,2% dự toán năm và bằng 98,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách địa phương đến Quý III năm 2024 đạt 8.722 tỷ đồng, bằng 46,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 95,6% so với cùng kỳ năm 2023; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương đến Quý III năm 2024 là 8.130 tỷ đồng, bằng 49,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 105,3% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.339 tỷ đồng, bằng 26,3% so với dự toán năm và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2023.

- Chi thường xuyên: 6.786 tỷ đồng, bằng 65,2% so với dự toán năm và bằng 110,9% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó:

- + Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 2.740 tỷ đồng, bằng 67,7% dự toán năm;

- + Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 752 tỷ đồng, bằng 74,7% dự toán năm;

- + Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: 1.543 tỷ đồng, bằng 85,8% dự toán năm;

- + Chi sự nghiệp kinh tế: 499 tỷ đồng, bằng 26,3% dự toán năm;

- + Chi đảm bảo xã hội: 701 tỷ đồng, bằng 88,6% dự toán năm.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3,14 tỷ đồng, đạt 275,4% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đạt 592 tỷ đồng, bằng 26,6% dự toán năm, bằng 42,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý III năm 2024 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung

thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTHh296.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

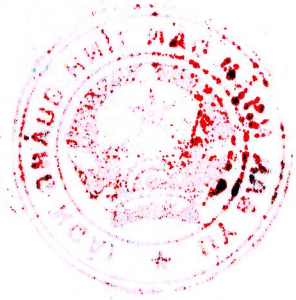


Trần Hoàng Tuấn
Trần Hoàng Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

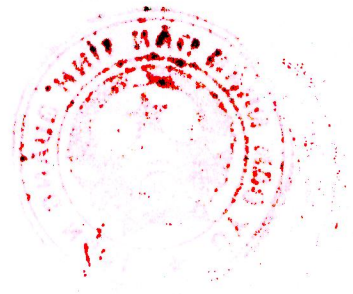
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.550.600	21.391.851	83,7	117,1
I	Thu cân đối NSNN	25.420.000	21.366.059	84,1	388,8
1	Thu nội địa	17.640.000	12.004.302	68,1	98,5
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	7.780.000	9.358.125	120,3	154,0
4	Thu viện trợ		3.632		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	130.600	25.792	19,7	1.105,5
B	TỔNG CHI NSDP	18.594.982	8.722.281	46,9	95,6
I	Chi cân đối NSDP	16.370.720	8.129.959	49,7	105,3
1	Chi đầu tư phát triển	5.095.015	1.338.802	26,3	84,0
2	Chi thường xuyên	10.414.028	6.785.887	65,2	110,9
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100	2.130	68,7	310,0
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	3.140	275,4	44,2
5	Dự phòng ngân sách	406.003			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	451.434			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.224.262	592.322	19,7	1.105,5
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	130.600	25.792	34,1	101,6
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	12.388	3.196	25,8	85,7



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.550.600	21.391.851	83,7	117,1
I	Thu nội địa	17.640.000	12.004.302	68,1	98,5
1	Thu từ khu vực DNNN	8.518.000	6.313.165	74,1	96,5
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	743.000	708.759	95,4	110,7
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.814.000	2.892.250	75,8	120,5
4	Thuế thu nhập cá nhân	535.000	514.509	96,2	123,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	450.000	374.946	83,3	93,0
6	Lệ phí trước bạ	185.000	155.996	84,3	105,1
7	Thu phí, lệ phí	175.000	214.844	122,8	165,8
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.696.000	390.303	14,5	40,3
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		5		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	14.718	122,7	104,9
-	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	303.786	11,7	36,6
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	54.000	67.271	124,6	108,4
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	30.000	4.523	15,1	7,1
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	98.000	127.453	130,1	74,0
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	5.441	272,1	385,9
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	112.000	101.845	90,9	121,9
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.000	10.986	91,6	81,2
13	Thu khác ngân sách	300.000	193.805	64,6	74,9
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.780.000	9.358.125	120,3	154,0
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	7.455.000	8.853.685	118,8	151,8
2	Thuế xuất khẩu	150.000	136.320	90,9	201,3
3	Thuế nhập khẩu	150.000	305.768	203,8	227,7
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		5		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	24.000	59.680	248,7	150,6
6	Thu khác	1.000	2.667	266,7	96,7
IV	Thu viện trợ		3.632		
V	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	130.600	25.792	19,7	1.105,5
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	16.240.120	10.905.785	67,2	98,3
1	Từ các khoản thu phân chia	12.711.570	9.663.811	76,0	103,0
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.528.550	1.241.974	35,2	72,7





THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	18.594.982	8.722.281	46,9	95,6
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	16.370.720	8.129.959	49,7	105,3
I	Chi đầu tư phát triển	5.095.015	1.338.802	26,3	84,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.941.015	1.278.252	25,9	82,3
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	154.000	60.550	39,3	151,4
II	Chi thường xuyên	10.414.028	6.785.887	65,2	110,9
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.049.321	2.740.202	67,7	119,1
2	Chi khoa học và công nghệ	30.170	10.528	34,9	98,9
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.007.129	752.007	74,7	122,6
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	137.671	96.972	70,4	105,0
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	42.201	25.964	61,5	115,6
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	48.215	31.004	64,3	122,9
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	204.935	104.553	51,0	96,3
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.896.181	498.552	26,3	70,7
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.798.107	1.542.558	85,8	120,3
10	Chi bảo đảm xã hội	790.750	700.841	88,6	121,6
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100	2.130	68,7	310,0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	3.140	275,4	44,2
V	Dự phòng ngân sách	406.003			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	451.434			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	2.224.262	592.322	26,6	42,2
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.129.903	384.762	34,1	101,6
2	Chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	723.570	133.402	18,4	13,5
3	Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	370.789	74.158	20,0	178,9

